TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Minh Yến**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Quang Phúc.**

2. Bà **Nguyễn Thị Lan**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Trịnh Thị Ngọc Mai**- Thư ký TAND huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2018 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện trú tại: thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Quang T, sinh năm 1973. Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Số nhà 36 phố X, khu 7, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

3. Những người làm chứng:

- Ông Bùi Quang L, sinh năm 1933. Trú tại: Số 36 phố X, khu 7, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương; (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1939. Trú tại: thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T sau một tháng được tự do tìm hiểu đã cùng tự nguyện đến UBND thị trấn G đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2011. Sau ngày cưới, vợ chồng sống cùng nhà với bố mẹ anh T tại thị trấn G. Quá trình chung sống vợ chồng tuy không xảy ra đánh cãi chửi nhau nhưng chị thấy một mình chị đi làm chỉ đủ nuôi con nhỏ và bản thân, còn anh T sau thời gian kết hôn do bị bệnh trầm cảm nên anh T không đi làm, không có nghề nghiệp, kinh tế vợ chồng chỉ phụ thuộc vào đồng lương của chị và hỗ trợ của gia đình nhà chồng. Chị và anh T ít khi nói chuyện được với nhau, vợ chồng sống với nhau nhưng không có tình cảm. Cuộc sống cứ kéo dài như vậy cho đến khi chị sinh con được 6 tháng, vào đầu năm 2014, chị thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ chị ở tại thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chông không còn nên chị làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Th xác định chị và anh T có một chung là Bùi Thị Ngọc M, sinh ngày 03/7/2013, hiện cháu M đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cùng chị.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2018 của anh Bùi Quang T, anh T trình bày: Anh và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND thị trấn G đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên do bản thân anh lại hay ốm đau nên đến đầu năm 2014 chị Th không chung sống cùng anh nữa và đã bế con về nhà mẹ đẻ chị ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh có xuống tìm gặp chị Th nhưng chị Th tránh mặt không muốn gặp anh nên từ đó anh không xuống gia đình nhà vợ gặp chị Th nữa, cả hai đều không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị Th xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn nhưng anh sẽ không đến Tòa án làm việc khi Tòa án triệu tập. Anh T đề nghị Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung như chị Th trình bày. Hiện cháu M đang do chị Th nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi con vì anh không có nghề nghiệp, không có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, nợ chung: Anh T và chị Th đều xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng: Xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình

giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX: Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Th. Xử cho chị Đặng Thị Th ly hôn anh Bùi Quang T. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Ngọc M, sinh ngày 03/7/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn là anh Bùi Quang T có đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

Bị đơn anh Bùi Quang T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai của anh T có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong tất cả các buổi làm việc và xét xử vắng mặt, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th và anh Bùi Quang T xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 26/7/2011, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau nhưng cũng không có tình cảm, nguyên nhân do anh T bị bệnh trầm cảm, không có điều kiện làm ra kinh tế lo cho cuộc sống của gia đình, mọi công việc chi tiêu trong gia đình đều trông vào đồng lương của chị cũng như sự hỗ trợ của gia đình nhà chồng, bản thân chị và anh cũng không có tiếng nói chung nên đến đầu năm 2014 chị Th đã chủ động cho con về nhà bố mẹ đẻ chị ở tại thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương sinh sống. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh T có

đến nhà mẹ đẻ chị Th để tìm chị nhưng chị Th tránh mặt không gặp anh T. Vợ chồng thực sự sống ly thân đến nay đã được 04 năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Để đánh giá tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND thị trấn G, huyện G cũng như tiến hành lấy lời khai của gia đình anh T và gia đình chị Th. Qua xác minh thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Th anh T do anh T mắc căn bệnh trầm cảm nên cũng không có khả năng để làm ra kinh tế phụ giúp cùng chị Th nuôi con, ngoài thu nhập chính từ đồng lương công nhân ra, chồng lại ốm đau không giúp đỡ được gì cho vợ con nên chị sinh ra chán nản do vậy chị đã chủ động bế con về nhà đẻ ở. Trong thời gian chị về quê đẻ, anh T có xuống tìm chị nhưng chị cũng tránh mặt không gặp anh. Do thời gian vợ chồng sống ly thân khá dài, cả hai bên không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng nên không thể có cơ hội để đoàn tụ. Nay chị Th có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết.

Từ những căn cứ trên cho thấy đời sống chung của vợ chồng chị Th và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Th xử cho chị Th ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th và anh T đều xác định vợ chồng có một con chung là Bùi Thị Ngọc M, sinh ngày 03/7/2013, hiện cháu M đang do chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét yêu cầu của chị Th thì thấy cháu M hiện còn nhỏ được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi sinh ra đến nay; chị Th có công việc ổn định hiện đang làm công nhân may tại Công ty SSV, địa chỉ tại xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương, mức thu nhập trung bình 5.000.000đ/tháng nên giao con chung cho chị nuôi sẽ đảm bảo cuộc sống cho cháu. Bị đơn anh T xác định do anh không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không có khả năng nuôi con nên anh nhất trí để cho chị Th tiếp tục nuôi con chung. Như vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu M, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị Th giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đặng Thị Th ly hôn anh Bùi Quang T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đặng Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Ngọc M, sinh ngày 03/7/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh Bùi Quang T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Bùi Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0003825 ngày 10/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Bị đơn anh Bùi Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn G để ghi vào Sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Minh Yến